

Ngày 31/12/2025	22,450 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.1%	6.9%	53.3%

2025	
ROE	17.7%
	+/- YoY ▲ 13.5%

Q4/25	
DT thuần	8,655
	tỷ VNĐ
	QoQ ▲ 438 ▲ 5.3%
	YoY ▼ 66.0 ▼ 0.8%

2025	
DT thuần	29,202
	tỷ VNĐ
	YoY ▲ 4,443 ▲ 17.9%

Q4/25	
LN gộp	569
	tỷ VNĐ
	QoQ ▲ 89.0 ▲ 18.6%
	YoY ▼ 16.0 ▼ 2.7%

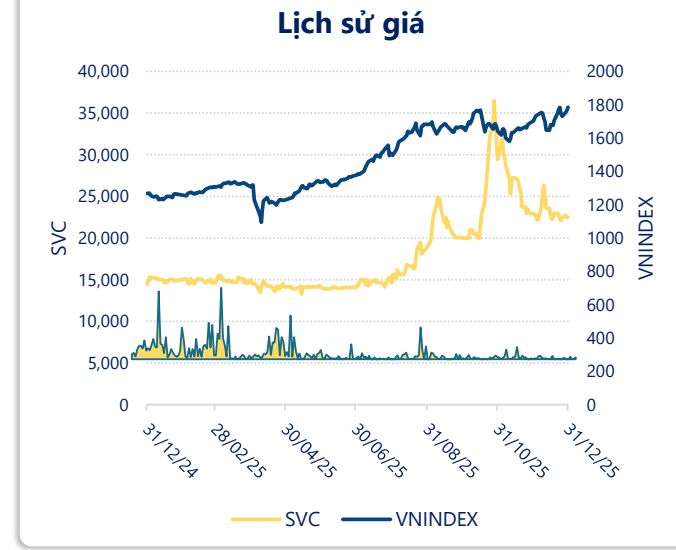
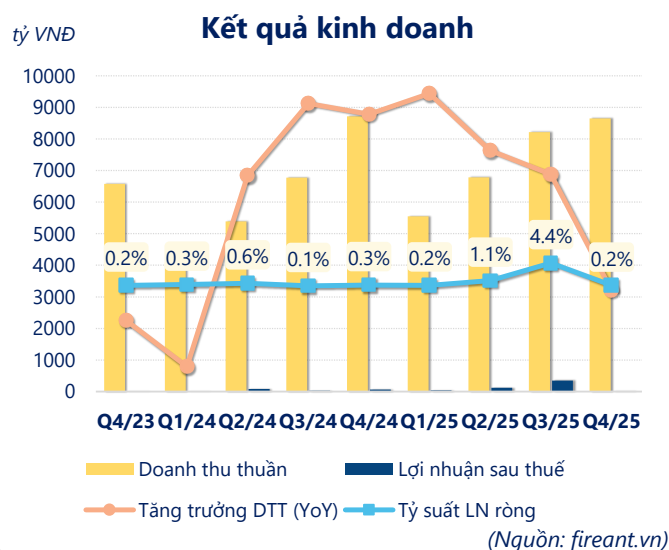
2025	
LN gộp	1,946
	tỷ VNĐ
	YoY ▲ 214 ▲ 12.3%

Q4/25	
LN thuần	-1.46
	tỷ VNĐ
	QoQ ▼ 406 ▼ 100%
	YoY ▼ 84.8 ▼ 102%

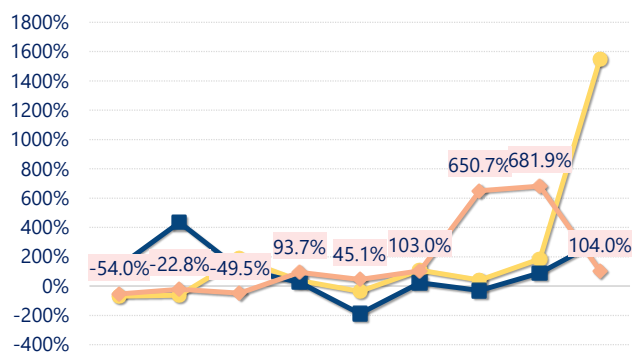
2025	
LN thuần	565
	tỷ VNĐ
	YoY ▲ 366 ▲ 185%

Q4/25	
LN sau thuế	16.3
	tỷ VNĐ
	QoQ ▼ 329 ▼ 95.3%
	YoY ▼ 49.2 ▼ 75.1%

2025	
LN sau thuế	509
	tỷ VNĐ
	YoY ▲ 302 ▲ 146%



Tăng trưởng lợi nhuận

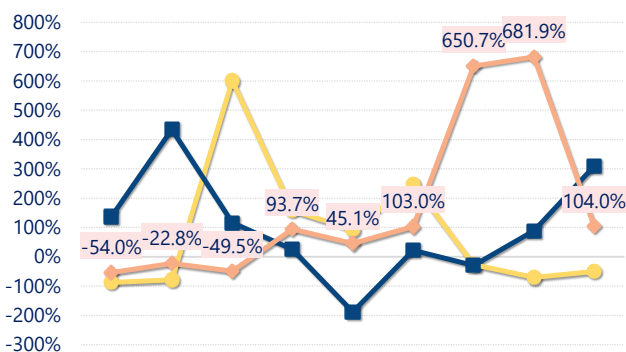


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

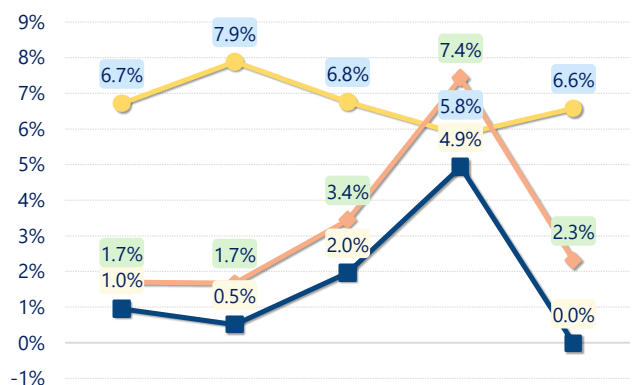


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

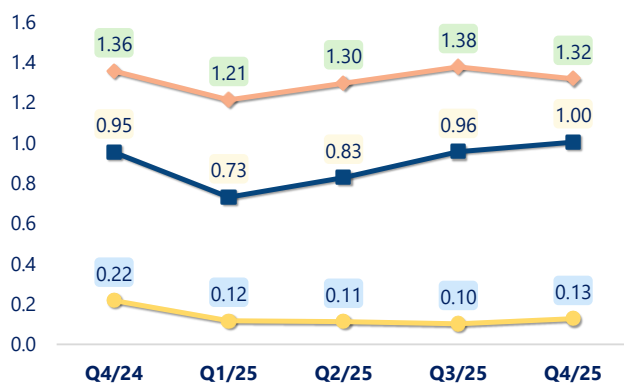


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



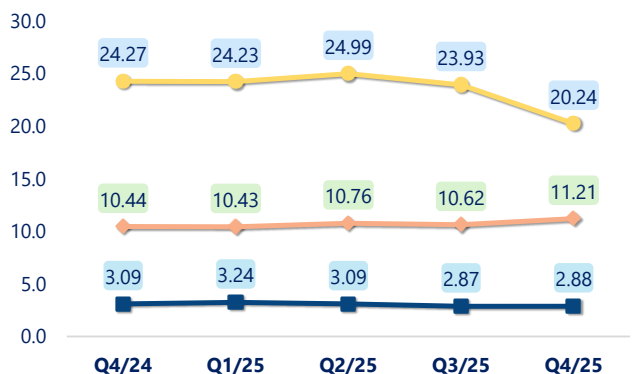
Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh

— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



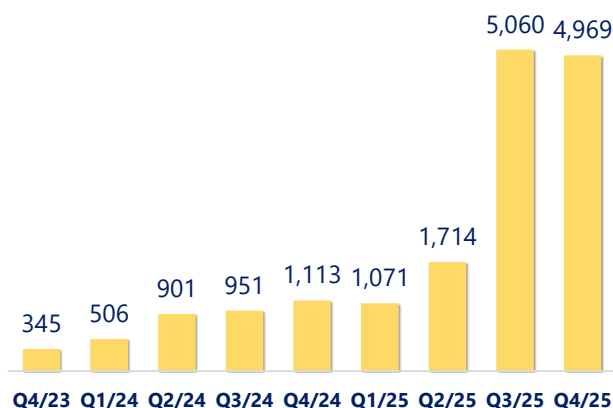
Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS

— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8,655	8,721	-0.8%	29,202	24,759	17.9%
Giá vốn hàng bán	8,085	8,135	-0.6%	27,256	23,027	18.4%
Lợi nhuận gộp	569	585	-2.7%	1,946	1,732	12.3%
Doanh thu HĐTC	153	41.0	273%	1,021	157	549%
Chi phí TC	205	63.1	225%	600	212	182%
Chi phí lãi vay	141	55.8	153%	442	173	155%
LN trong công ty LKLD	6.75	13.5	-50.0%	30.3	57.5	-47.3%
Chi phí bán hàng	345	301	14.7%	1,141	927	23.1%
Chi phí QLDN	180	193	-6.7%	690	609	13.4%
LN thuần từ HĐKD	-1.46	83.3	-102%	565	199	185%
Lợi nhuận khác	59.6	9.41	533%	129	63.0	105%
LN trước thuế	58.1	92.7	-37.3%	694	262	165%
Lợi nhuận sau thuế	16.3	65.5	-75.1%	509	207	146%
LNST của CĐ cty mẹ	13.9	22.3	-37.9%	463	100	363%

(Nguồn: fireant.vn)

